

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026**

(Kèm Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng cộng (A+B+C)	58.778.057	32.558.423	26.219.634
A	Chi cân đối ngân sách địa phương:	57.842.444	31.622.810	26.219.634
I	Chi đầu tư phát triển:	26.686.200	20.562.801	6.123.399
1	Chi đầu tư XDCB tập trung	6.014.100	4.123.791	1.890.309
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	15.200.000	12.184.912	3.015.088
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.060.000	2.841.998	1.218.002
4	Chi đầu tư từ nguồn vay bội chi	999.100	999.100	
5	Chi đầu tư phát triển khác	413.000	413.000	0
	<i>Chi Ngân hàng chính sách xã hội, chi các quỹ ngoài ngân sách (nguồn xổ số kiến thiết)</i>	<i>413.000</i>	<i>413.000</i>	
II	Chi thường xuyên	29.408.395	9.876.576	19.531.819
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	14.720.579	3.785.013	10.935.566
2	Chi khoa học và công nghệ	722.900	476.888	246.012
III	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	0		0
IV	Chi từ nguồn tăng thu cân đối và thực hiện một số nhiệm vụ chi do thực hiện sáp nhập tỉnh, bỏ ĐVHC cấp huyện	0		
V	Dự phòng ngân sách	1.658.439	1.094.023	564.416
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3.910	3.910	
VII	Chi trả nợ lãi vay đầu tư	85.500	85.500	
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW	935.613	935.613	0
	- Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	935.613	935.613	
	- Vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách và một số chương trình mục tiêu	0	0	
C	Chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách			